

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Ngày	26,500 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.9%	20.5%	25.6%

DT thuần	Q3/24
161	tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0 -7.7%	
YoY: ▲ 22.0 15.6%	

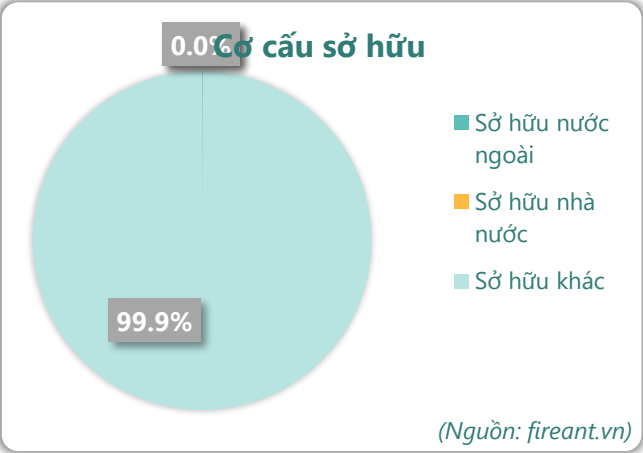
LN thuần	Q3/24
12.9	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.60 14.6%	
YoY: ▲ 2.92 29.7%	

LN sau thuế	Q3/24
10.5	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.40 4.4%	
YoY: ▲ 2.32 28.9%	

Tỷ suất lãi EBIT	Q3/24
8.6%	
YoY: +/-▲ 1.0%	

ROE (TTM)	Q3/24
8.5%	
YoY: +/-▲ 0.4%	

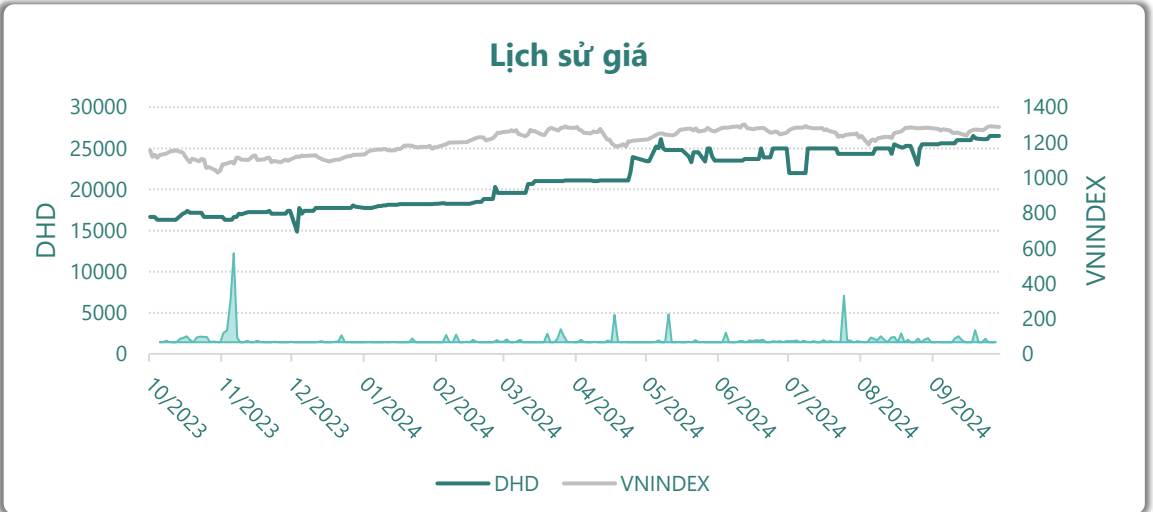
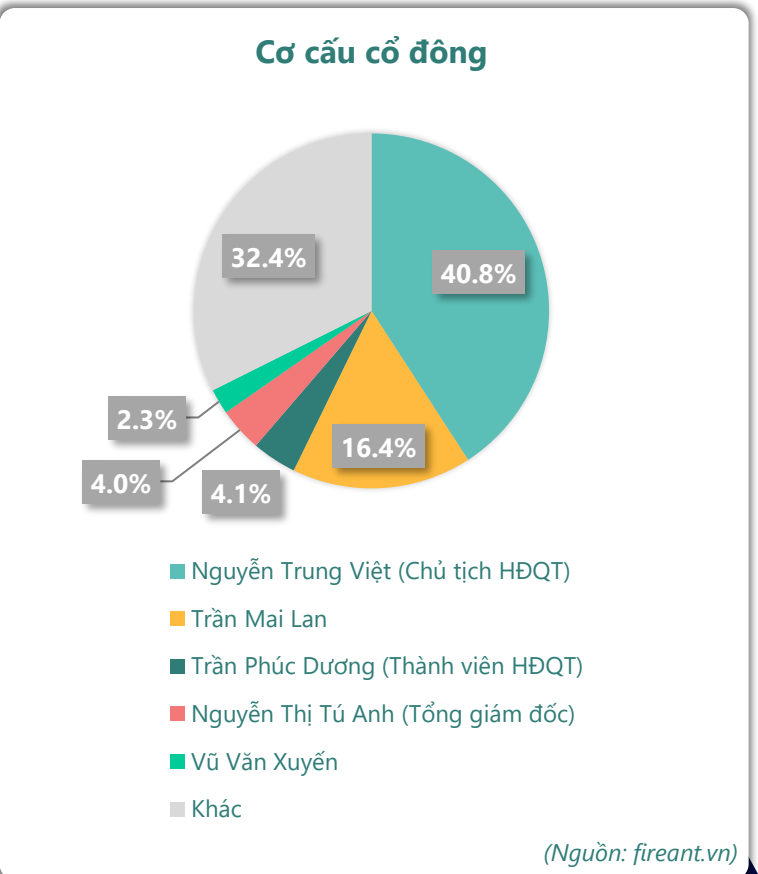
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	14,861 - 26,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	741
Số lượng CPLH (CP)	27,947,317
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,121
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.20
EPS	1,305
P/E	20.3



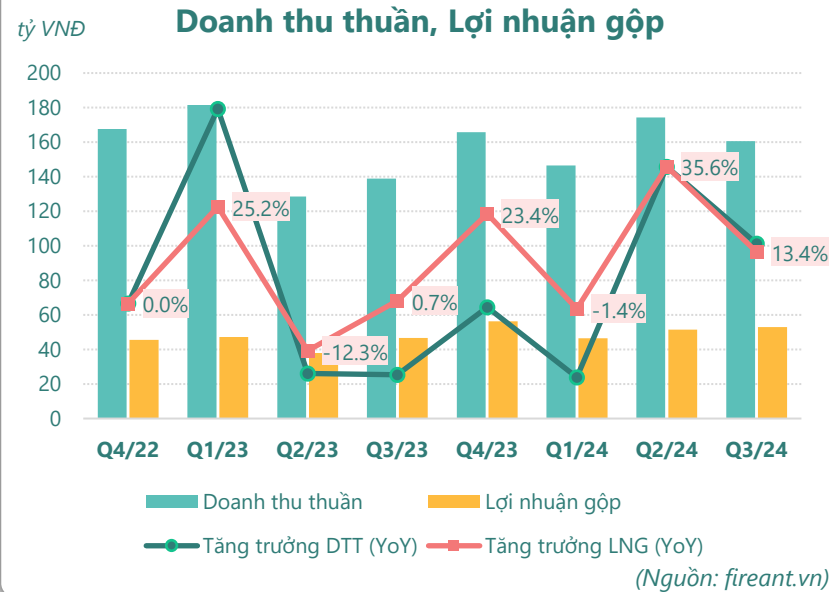
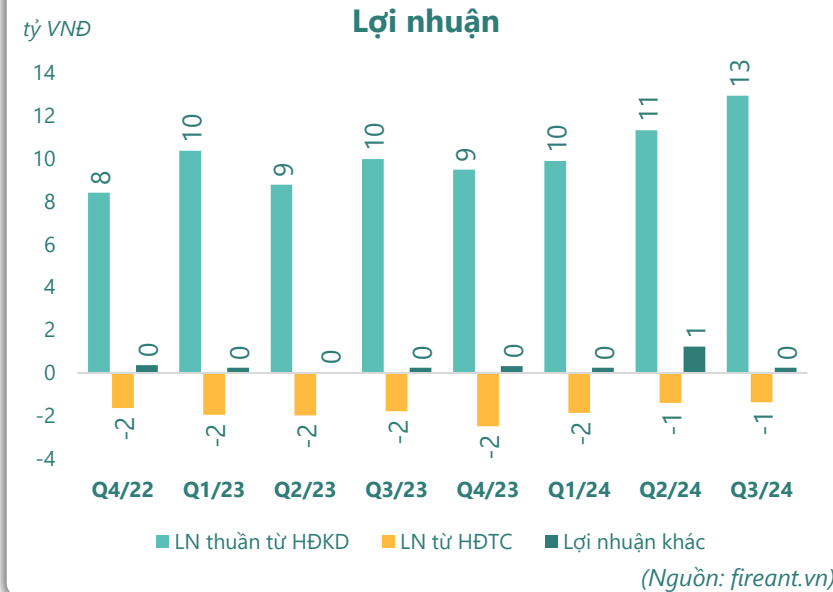
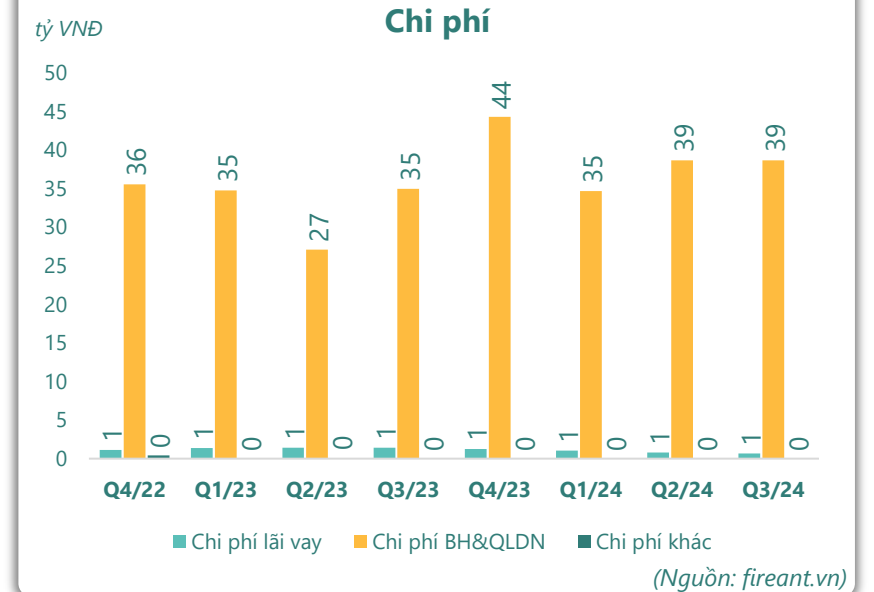
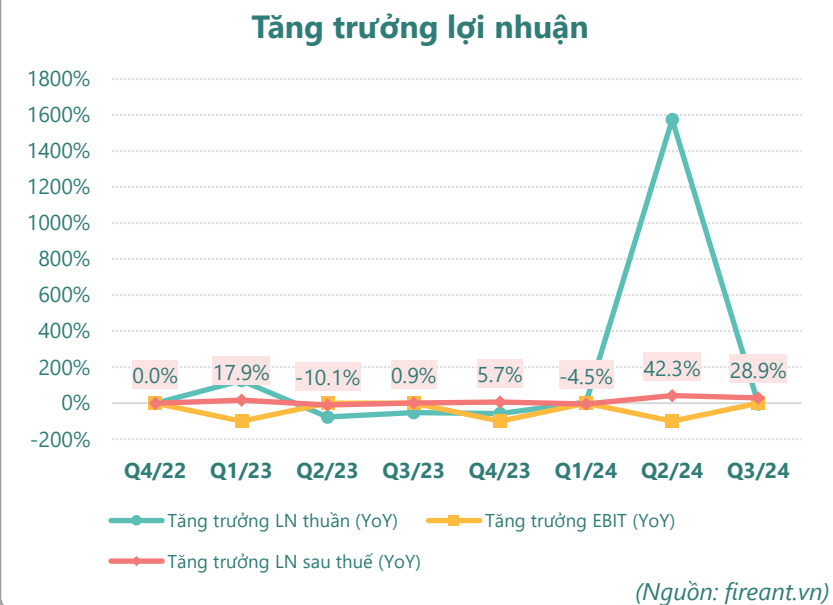
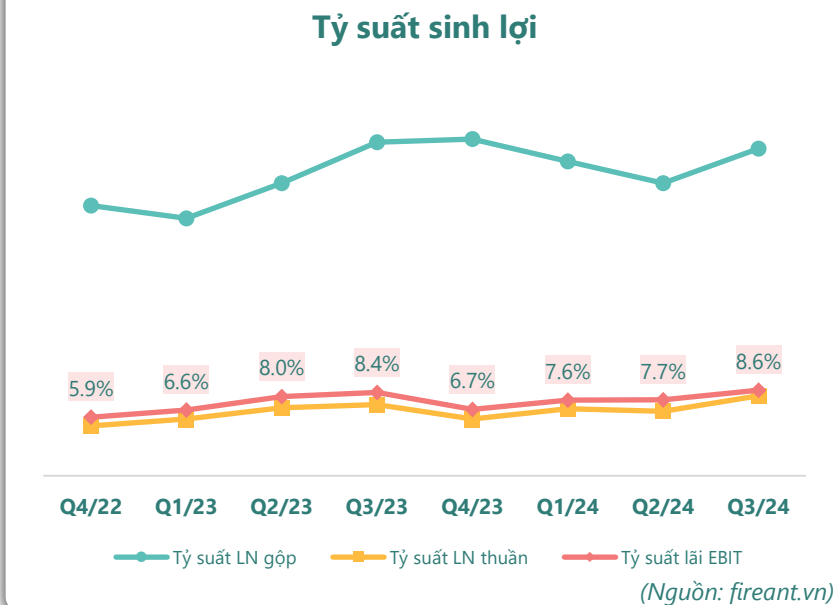
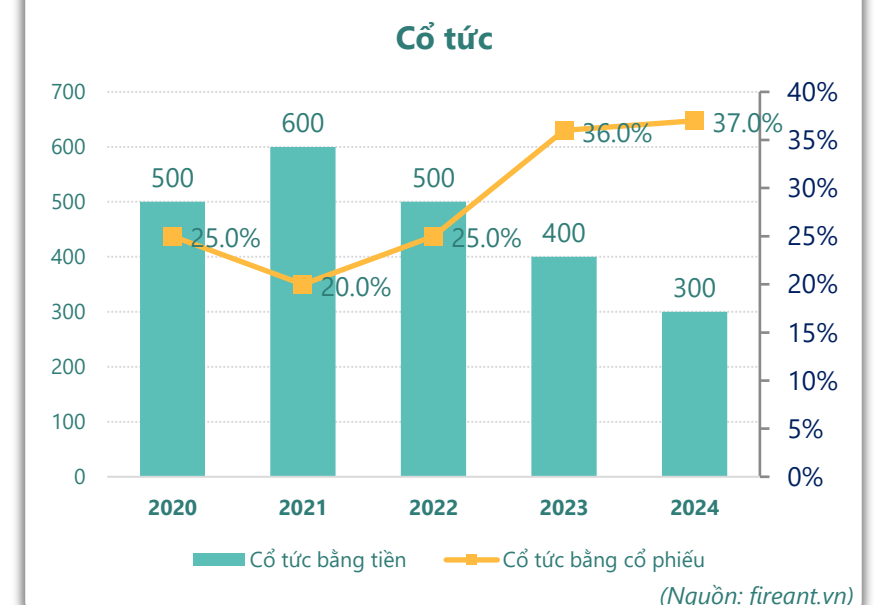
DT thuần	9T 2024
481	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.0 7.2%	

LN thuần	9T 2024
34.2	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00 17.2%	

LN sau thuế	9T 2024
28.7	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00 20.9%	



KẾT QUẢ KINH DOANH

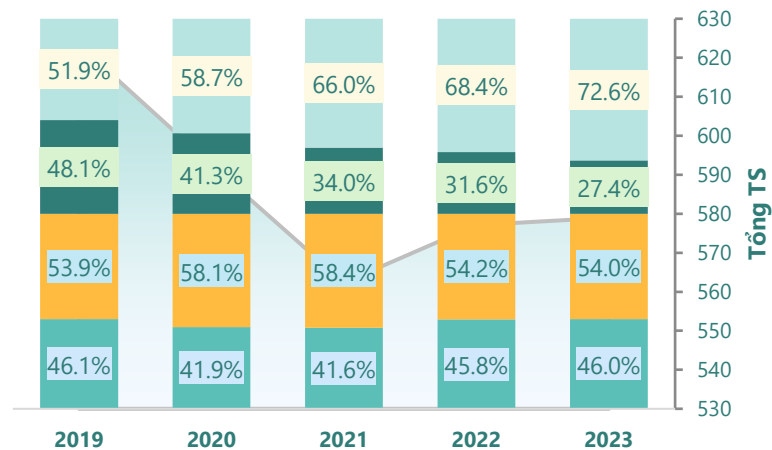




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

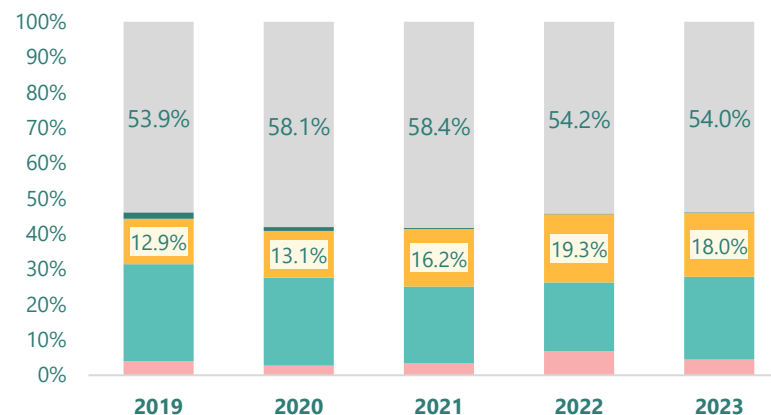
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

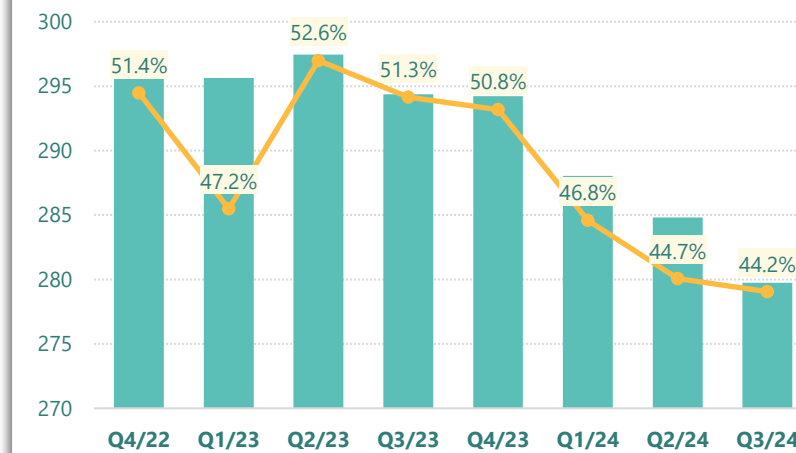


■ Tiền và TĐ tiền ■ Hàng tồn kho ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ TSNH khác ■ Phải thu ngắn hạn ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

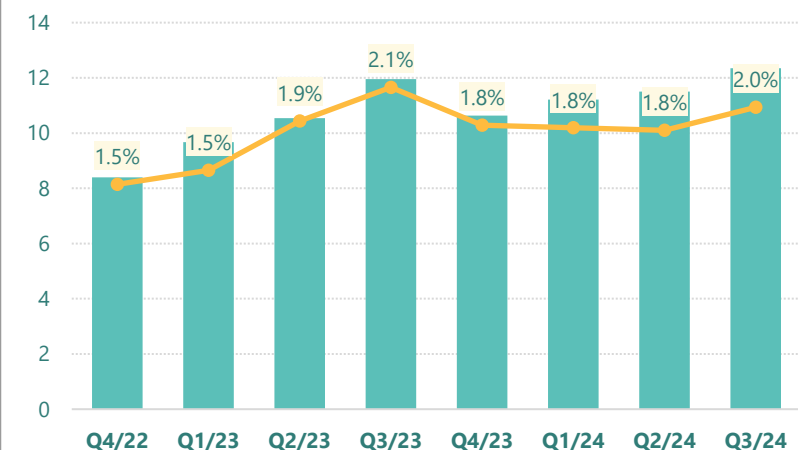


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

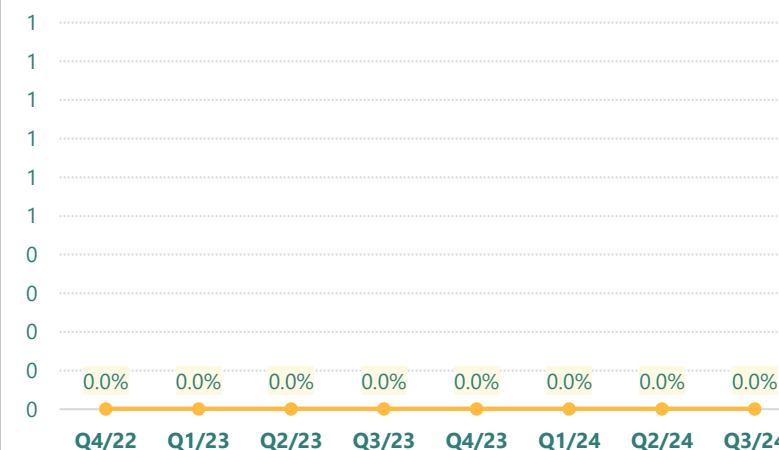


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

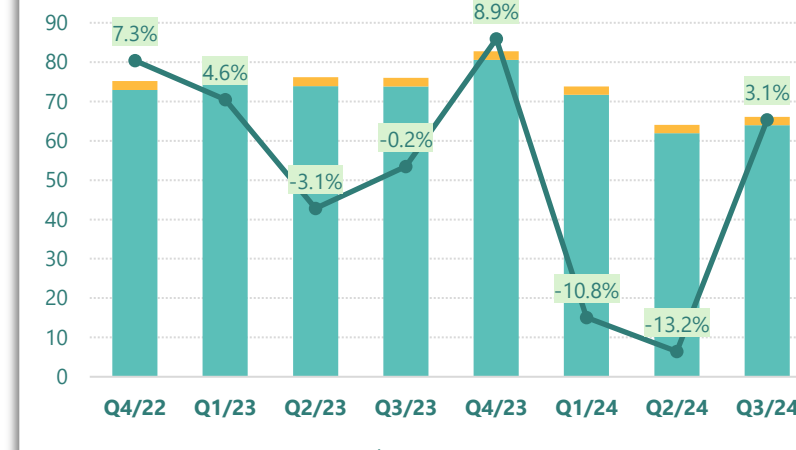


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

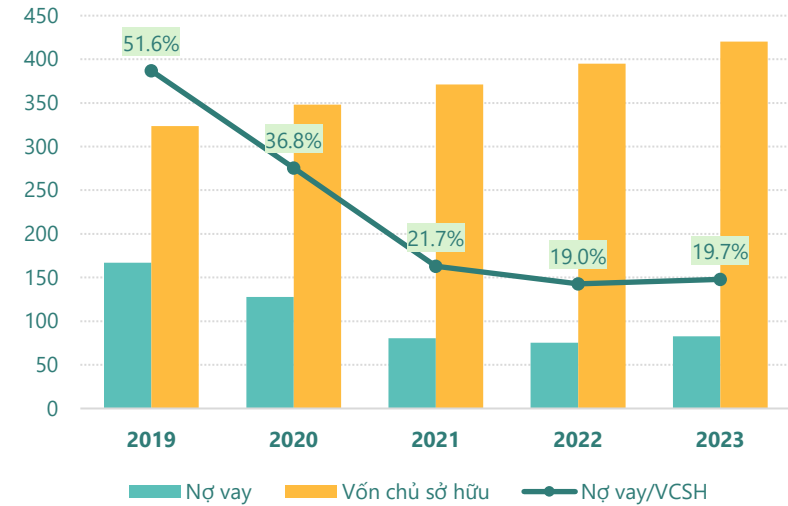
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

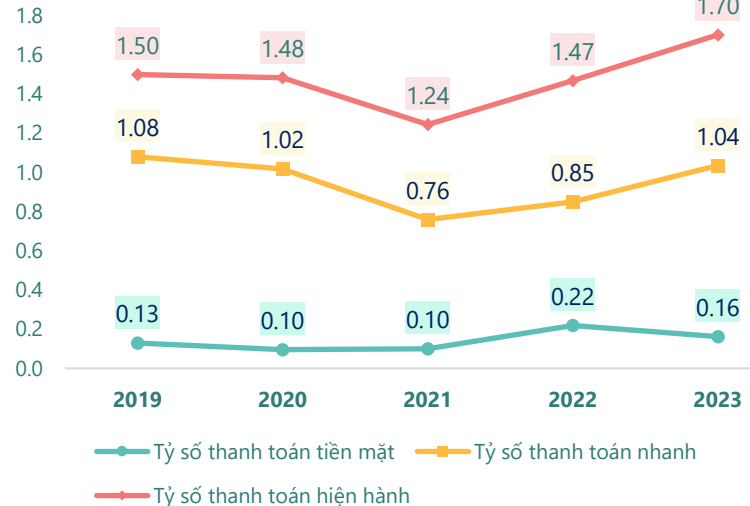
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



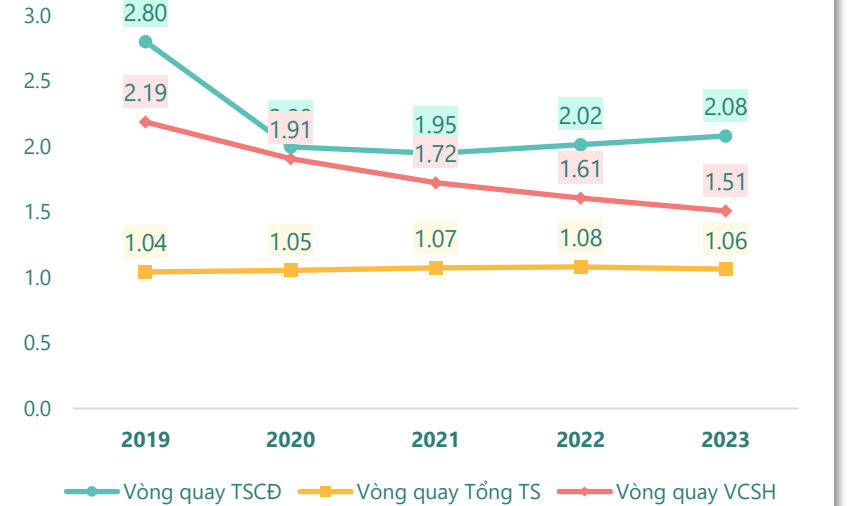
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



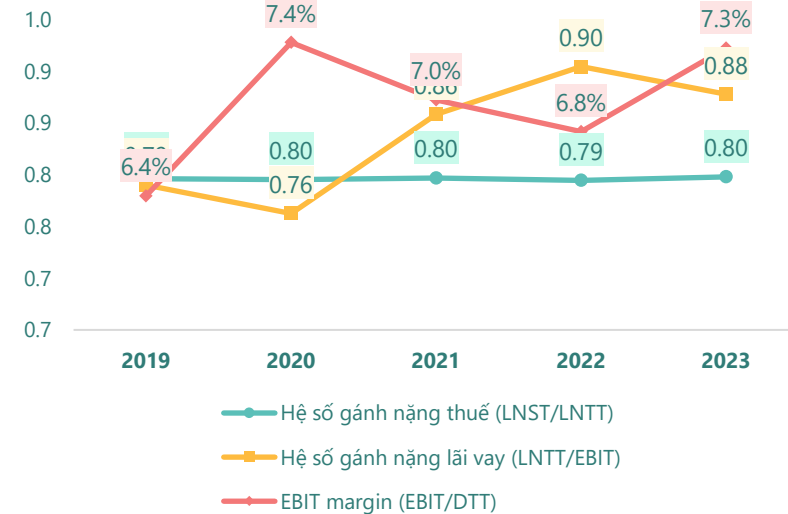
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



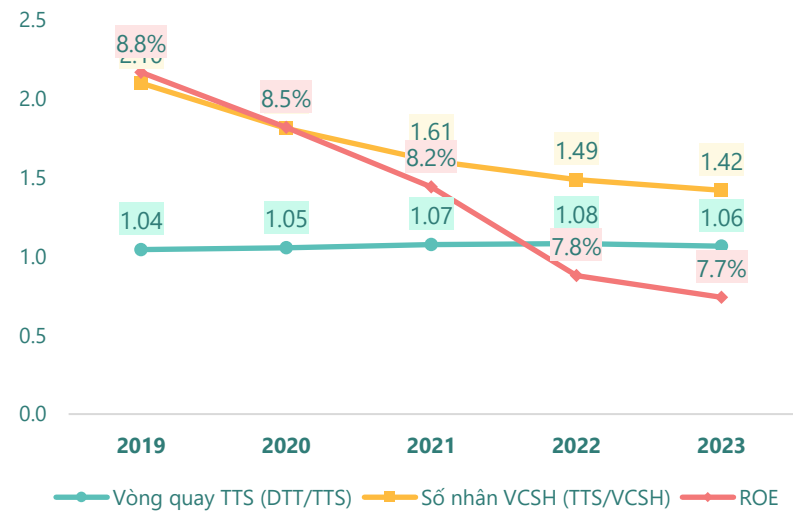
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



(Nguồn: fireant.vn)

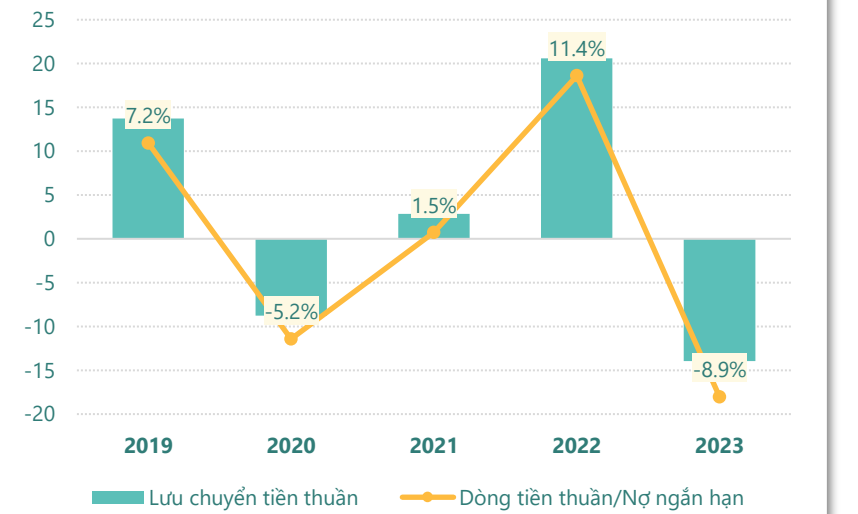
Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	161	139	15.6%	481	449	7.2%
Giá vốn hàng bán	108	92.2	16.7%	331	317	4.2%
Lợi nhuận gộp	53.0	46.7	13.5%	151	132	14.5%
Doanh thu HĐTC	0.11	0.21	-47.1%	0.27	0.30	-11.5%
Chi phí TC	1.48	1.99	-25.5%	4.91	6.02	-18.4%
Chi phí lãi vay	0.68	1.43	-52.6%	2.50	4.22	-40.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	18.3	16.5	10.8%	55.1	45.2	22.0%
Chi phí QLDN	20.4	18.4	10.9%	56.9	51.7	10.1%
LN thuần từ HĐKD	12.9	9.98	29.7%	34.2	29.2	17.2%
Lợi nhuận khác	0.24	0.25	-4.8%	1.72	0.53	223%
LN trước thuế	13.2	10.2	29.3%	35.9	29.7	20.9%
Lợi nhuận sau thuế	10.5	8.18	28.9%	28.7	23.7	20.9%
LNST của CĐ cty mẹ	10.5	8.18	28.9%	28.7	23.7	20.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.10	4.52	-14.6	22.1	18.6	3.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.53	-4.26	-3.49	-1.42	-3.55	-2.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.45	-0.12	6.74	-8.95	-13.3	-0.60
Tiền đầu kỳ	59.7	36.6	36.8	25.4	37.1	38.9
Lưu chuyển tiền thuần	-23.1	0.14	-11.4	11.7	1.79	0.03
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.6	36.8	25.4	37.1	38.9	38.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	633	579	9.3%
Tài sản ngắn hạn	337	267	26.5%
Tiền và tương đương tiền	38.9	25.4	53.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	169	136	24.2%
Hàng tồn kho	129	104	23.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.85	1.00	-15.2%
Tài sản dài hạn	295	312	-5.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	280	294	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	12.4	10.6	16.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.22	7.53	-57.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	190	159	19.7%
Nợ ngắn hạn	188	157	20.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.9	80.6	-20.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	63.4	47.3	33.9%
Nợ dài hạn	2.18	2.23	-2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.16	2.21	-2.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	442	420	5.3%
Vốn chủ sở hữu	442	420	5.3%
Vốn điều lệ	279	204	37.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

